

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)



Họ, tên thí sinh:..... Mã sinh viên:

Câu 1: Muốn FTP server nhận dữ liệu không phải ở port mặc định thì phải dùng lệnh gì?

- A. RCVD B. PASV C. SENT D. RESPONSE

Câu 2: Đoạn chương trình sau nhằm mục đích gì?

```
try {  
    tcp = new TcpClient("192.168.1.3", 110);  
}  
catch (Exception e)  
{  
    MessageBox.Show(e.Message);  
};
```

- A. Thực hiện một kết nối TCP đến máy chủ ở IP 192.168.1.3 và port 110
B. Thực hiện một kết nối UDP đến máy chủ ở IP 192.168.1.3 và port 110
C. Hiển thị một kết quả về kết nối đến cơ sở dữ liệu
D. Hiển thị một thông báo lỗi về kết nối đến cơ sở dữ liệu

Câu 3: Khi lập trình quản lý nhập/xuất trong môi trường mạng, cần khai báo namespace sau:

- A. System.IO B. System.Threading C. System.Data D. System

Câu 4: Lệnh `Socket socket = new Socket(AddressFamily.InterNetworkV6, SocketType.Stream, ProtocolType.Tcp);` nhằm mục đích gì?

- A. Thực hiện gửi và nhận dữ liệu trên socket mới được tạo ra
B. Tạo socket mới chấp nhận địa chỉ IPv4
C. Tạo socket mới chấp nhận cả địa chỉ IPv6 và IPv4
D. Tạo socket mới chấp nhận địa chỉ IPv6

Câu 5: Cho khai báo hàm sau:

```
public void InfoMessage(String info)  
{  
    if (tbResults.InvokeRequired) {  
        InfoMessageDel method = new InfoMessageDel(InfoMessage);  
        tbResults.Invoke(method, new object[] { info });  
        return;  
    }  
    tbResults.Text = info;  
}
```

Mục đích khai báo hàm `InfoMessage` là?

- A. Để gán giá trị `info` cho đối tượng `tbResults`
B. Để tránh vấn đề tranh chấp bởi các thread cùng tham chiếu đến đối tượng `tbResults`
C. Để kích hoạt đối tượng `tbResults` hoạt động
D. Để kích hoạt hàm `InfoMessageDel`

Câu 6: Đoạn chương trình sau nhằm mục đích gì?

```
public byte[] Encrypt(byte[] Data, string PublicKeyIn)  
{  
    RSA.FromXmlString(PublicKeyIn);  
    return RSA.Encrypt(Data, false);  
}
```

- A. Mã hóa khối dữ liệu trong `Data` bằng giải thuật RSA
B. Tạo khóa mã `PublicKey` bằng giải thuật RSA
C. Mã hóa khối dữ liệu trong `Data` bằng giải thuật DES
D. Mã hóa khối dữ liệu trong `Data` bằng giải thuật RSA, kết quả là một mảng byte được trả về

Câu 7: Để sử dụng được phương pháp mã hóa theo chuẩn DES trong C#, cần khai báo namespace?

- A. System.Security.Cryptography
- C. System.Security

- B. System.Security.Cryptography
- D. System.IO

Câu 8: Tạo một Web Service Proxy từ dòng lệnh nào sau đây?

- A. wsdl http://localhost/test/MathService.asmx
- B. cs http://localhost/test/MathService.asmx
- C. csc http://localhost/test/MathService.asmx
- D. compiler http://localhost/test/MathService.asmx

Câu 9: Kết thúc một lệnh trong C# khi giao tiếp với Email server là chuỗi ký tự?

- A. "\n"
- B. "Enter"
- C. "\r"
- D. "\r\n"

Câu 10: Vùng port number dành cho người lập trình (khuyến cáo tuân theo) là?

- A. 1024 – 49151 (Registered):
- B. 0 – 1023 (Well-know)
- C. 49152 – 65535 (Dynamic)
- D. A, B, C đều sai

Câu 11: Lệnh Socket socket = listener.Accept(); nhằm mục đích gì?

- A. Thực hiện lắng nghe có thời hạn và nhận dữ liệu được gửi tới
- B. Thực hiện lắng nghe vô thời hạn và nhận dữ liệu được gửi tới
- C. Thực hiện tạo một kết nối mới hơn kết nối đang dùng
- D. A, B, C đều sai

Câu 12: Vùng port number dùng cho các ứng dụng quan trọng trên hệ điều hành là?

- A. 1024 – 49151 (Registered)
- B. 0 – 1023 (Well-know)
- C. 49152 – 65535 (Dynamic)
- D. A, B, C đều sai

Câu 13: Cho biết kết quả của đoạn chương trình sau:

```
public class Test
{
    public void method()
    {
        for(int i=0; i<3; i++)
        {
            Console.Write (i);
        }
        Console.Write (i);
    }
}
```

- A. 1234
- B. 0123
- C. Có lỗi khi biên dịch
- D. 0122

Câu 14: Cho đoạn chương trình sau:

```
1. class MyClass
2. {
3.     void myMethod( int i ){ Console.Write ("int version"); }
4.     void myMethod( String s) { Console.Write ("String version"); }
5.     public static void main( String args[])
6.     {
7.         MyClass obj = new MyClass();
8.         char ch = 'c';
9.         obj.myMethod(ch);
10.    }
11. }
```

Hãy chọn phát biểu đúng:

- A. Đoạn chương trình thi hành và in ra kết quả là: int version
- B. Dòng 4 không thể biên dịch vì không thể override các phương thức có kiểu trả về là void
- C. Dòng số 9 không thể biên dịch vì phương thức myMethod không nhận tham số kiểu char
- D. Dòng số 9 sẽ phát sinh 1 biệt lệ (exception)

Câu 15: Vòng đời của các đối tượng được tạo ra chỉ dài bằng thời gian thực thi của class được khởi tạo bởi tham số?

A. Protected

B. Published

C. Singlecall

D. Singleton

Câu 16: Đoạn mã sau sai chỗ nào?

```
public class Question
{
    public static void Main(String[] args)
    {
        Boolean b = true;
        if (b)
        {
            for (Integer i = 0; i < 10; ++i)
                Console.WriteLine(i);
        }
        Console.ReadLine();
    }
}
```

A. Đoạn mã không có lỗi

B. Điều kiện của câu lệnh if phải có kiểu boolean chứ không phải Boolean

C. Khai báo là bool chứ không phải là Boolean

D. Biến i trong câu lệnh for phải là int chứ không phải Integer

Câu 17: Phương thức Socket.Bind thực hiện công việc?

A. Liên kết một socket với một IPEndPoint

B. Liên kết một socket với một Address

C. Liên kết một socket với một AddressFamily

D. Liên kết một socket với một IPAddress

Câu 18: Phát biểu Dns.GetHostAddresses("Localhost") sẽ trả về?

A. Địa chỉ IP 192.168.1.1

B. Địa chỉ IP 127.0.0.1

C. Các địa chỉ IP gắn liền với host có tên Localhost

D. Địa chỉ IP 127.0.0.0

Câu 19: Khi lập trình quản lý luồng trong môi trường mạng, cần khai báo namespace sau:

A. System.IO

B. System.Data

C. System

D. System.Threading

Câu 20: Khi lập trình với kỹ thuật .NET remoting, nếu khai báo: RemotingConfiguration.RegisterWellKnownServiceType(typeof(RemoteObject.PrimeClass), "MyPrimeClassServer", WellKnownObjectMode.SingleCall); thì remote class phải được biên dịch thành công và có tên là?

A. ClassServer.DLL

B. PrimeClass.DLL

C. RemoteObject.DLL

D. MyPrimeClassServer.DLL

Câu 21: Hai stream quan trọng trong khi thực hiện input/output trong môi trường mạng là:

A. networkStream và thread

B. networkStream và byteStream

C. thread và fileStream

D. networkStream và fileStream

Câu 22: Số lượng port number trong mỗi host là?

A. 1024

B. 1023

C. 65536

D. 65535

Câu 23: Chọn khai báo đúng cho phương thức main()

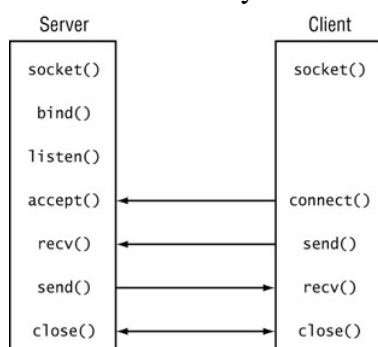
A. public static int main(String[] arg)

B. public static void main(String[] args)

C. public void main(String []arg)

D. public static void main()

Câu 24: Hình sau đây mô tả cho trình tự kết nối của?



- A. UDPClient và TCPClient
- C. UDPClient

- B. TCPClient
- D. A, B, C đều sai

Câu 25: Để xác định các trục trặc trong ứng dụng multithreaded, cơ chế theo vết (tracing) nên dùng là?

- A. System.Diagnostics.Trace
- B. System.Diagnostics.Tracing
- C. System.Diagnostics
- D. System.Diagnostics.Debug

Câu 26: Constructors của lớp (class) có vai trò gì?

- A. Dùng để khởi tạo đối tượng của lớp
- B. Dùng để khởi tạo các phương thức của lớp
- C. Dùng để khởi tạo các hàm của lớp
- D. Dùng để khởi tạo các biến của lớp

Câu 27: Lớp nào sau đây dùng để quản lý chuỗi ký tự trong C#?

- A. String
- B. System
- C. StringBuffer
- D. Math

Câu 28: Để cho phép server lắng nghe trên mọi interface của nó, ta dùng?

- A. Socket listener = new Socket(AddressFamily.InterNetworkV6, SocketType.Stream,

ProtocolType.Tcp);

listener.Bind(new IPEndPoint(IPAddress.IPv6Any, PORT));

- B. Socket socket = listener.Accept();

socket.Bind(new IPEndPoint(IPAddress.IPv6Any, PORT));

- C. Socket socket = listener.Ready();

socket.Bind(new IPEndPoint(IPAddress.IPv6Any, PORT));

- D. Socket socket = listener.Listen();

socket.Bind(new IPEndPoint(IPAddress.IPv6Any, PORT));

Câu 29: Đoạn chương trình sau nhằm mục đích gì?

```
try {
```

```
    cn = new SqlConnection(strCon);
```

```
    cn.Open();
```

```
}
```

```
catch (Exception e)
```

```
{
```

```
    MessageBox.Show(e.Message);
```

```
};
```

- A. Hiển thị một kết quả về kết nối đến cơ sở dữ liệu

- B. Hiển thị một thông báo về kết nối đến cơ sở dữ liệu

- C. Hiển thị một thông báo lỗi về kết nối đến cơ sở dữ liệu

- D. Thực hiện một kết nối đến cơ sở dữ liệu được mô tả trong biến strCon

Câu 30: Lựa chọn phát biểu đúng nhất:

- A. Kết nối với Email server bằng TCP ở port 110 để gửi mail.

- B. Kết nối với Email server bằng TCP ở port 25 để gửi mail.

- C. Kết nối với Email server bằng TCP ở port 110 để nhận mail.

- D. B, C đúng

Câu 31: Phương thức BeginReceive() của UdpClient thực hiện:

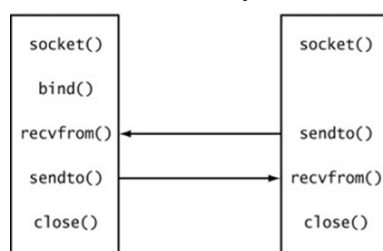
- A. Nhận dữ liệu bất đồng bộ từ remote host

- B. Nhận dữ liệu đồng bộ từ remote host

- C. Nhận dữ liệu đồng bộ từ remote host và chuyển thành UDP datagram

- D. A, B, C đều sai

Câu 32: Hình sau đây mô tả cho trình tự kết nối của?



- A. UDPClient

- C. UDPClient và TCPClient

- B. TCPClient

- D. A, B, C đều sai

Câu 33: Vòng đời của các đối tượng được tạo ra chỉ dài bằng thời gian thực thi của hàm được khởi tạo bởi tham số?

- A. Protected B. Singlecall C. Singleton D. Published

Câu 34: Để kiểm tra hệ điều hành có hỗ trợ IPv6 hay không thì sử dụng?

- A. Socket.OSIPv6 B. Socket.SupportsIPv6
C. Socket.OSSupportsIPv6 D. A, B, C đều sai

Câu 35: Đọc/ghi file hiệu quả nhất khi thao tác với từng khối dữ liệu chiếm?

- A. 2048 byte B. 1024 byte C. 1000 byte D. 4096 byte

Câu 36: Để đặt Socket vào chế độ sẵn sàng nhận dữ liệu, dùng?

- A. Socket socket = listener.Ready(); B. Socket socket = listener.Listen();
C. Socket socket = listener.Accept(); D. A, B, C đều sai

Câu 37: Chọn phát biểu đúng nhất:

- A. Một lớp con sẽ kế thừa các hàm khởi tạo từ lớp cha
B. Trình biên dịch sẽ tự động tạo hàm khởi tạo mặc định nếu lớp không định nghĩa hàm khởi tạo
C. A và B đúng
D. Tất cả các hàm khởi tạo có kiểu trả về là void

Câu 38: Một đối tượng IPEndPoint chứa những thành phần nào?

- A. IPAddress và Port number B. IPAddress và MAC number
C. MACAddress và Port number D. IPAddress và MACAddress

Câu 39: Để khai báo một lớp (class) có đặc tính remoting thì điều cần thiết là tạo lớp đó dẫn xuất từ?

- A. System.Data B. System.MarshalByRefObject
C. System.Security D. System.IO

Câu 40: Địa chỉ 192.168.1.3 khi thể hiện ở dạng số (kiểu long) có giá trị là?

- A. 31168192 B. 16885952 C. 19216813 D. 16885954

Câu 41: Để lập trình với .NET framework nhằm mục đích truyền thông với các ứng dụng phân tán thì có thể dùng?

- A. Web Service B. .NET remoting C. A, B đều đúng D. A, B đều sai

Câu 42: Cho đoạn mã sau:

```
FileStream fs = new FileStream("test.txt", FileMode.OpenOrCreate);  
String s = "HelloWorld";  
BinaryWriter bw = new BinaryWriter(fs);  
int[] myArray = new int[1000];  
for (int i = 0; i < myArray.Length; i++)  
{  
    myArray[i] = s[i];  
    bw.Write(myArray[i]);  
}
```

Cho biết kết quả số byte ghi vào file test.txt:

- A. 16 byte B. 1000 byte C. 10 byte D. Đoạn mã trên có lỗi

Câu 43: Đoạn chương trình sau nhằm mục đích gì?

```
public void WriteToLogs(string msg, FileStream file)  
{  
    byte[] bData = Encoding.ASCII.GetBytes(msg.ToCharArray());  
    file.Write(bData, 0, bData.Length);  
    file.Flush();  
}
```

- A. Kiểm tra kích thước (số byte) văn bản trong một file
B. Kiểm tra kích thước (số byte) của mảng bData
C. Ghi vào một file với nội dung văn bản là msg
D. A, B, C đều sai

Câu 44: Biểu thức nào sau đây là hợp lệ. Chọn câu trả lời thích hợp nhất:

- A. int x = 6; x != x; B. int x = 6; x = ~x;

C. `int x = NOT 6;`

D. `int x = 6; if (!(x>3)) { }`

Câu 45: FTP dùng những port nào sau đây?

A. 110, 25

B. 20, 21

C. 80, 8080

D. 21, 25

Câu 46: Hệ mã hóa RSA tạo ra:

A. Một khóa PrivateKey

C. Một khóa PublicKey

B. Một cặp khóa gồm PublicKey và PrivateKey

D. A, B, C đều sai

Câu 47: Để chuyển đổi một mảng byte thành String dùng phát biểu nào sau đây?

A. `Encoding.UTF8.GetByte()`

C. `Encoding.GetByte()`

B. `Encoding.UTF8.GetString()`

D. `Encoding.GetString()`

Câu 48: Cho khai báo:

```
class KhachHang
{
    public void KhachHang ()
    {
        Console.WriteLine("Khach hang");
    }
    public void KhachHang (string s)
    {
        Console.WriteLine(s);
    }
}
KhachHang obj = new KhachHang("KH");
```

Kết xuất trên console sẽ là?

A. Khách hang KH

B. KH Khách hang

C. Khách hang

D. KH

Câu 49: Cho đoạn chương trình: `int[] x = new int[25];`

Chọn phát biểu đúng:

A. Giá trị của `x[24]` là null

C. Giá trị của `x[24]` là 0

B. `x[24]` không tồn tại

D. Tất cả câu trên đều sai

Câu 50: Sử dụng thành phần của lớp (class) một cách trực tiếp không cần thông qua đối tượng (object) của lớp, cần phải khai báo thành phần với từ khóa nào sau đây?

A. `public`

B. `private`

C. `static`

D. `protected`

----- HẾT -----